

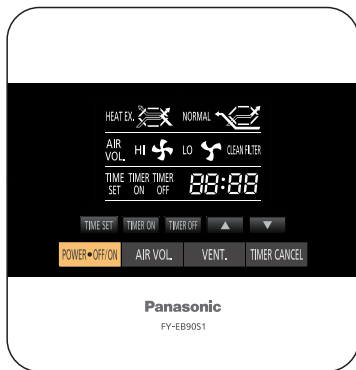


Operation Instruction
Hướng dẫn sử dụng

Energy Recovery Ventilator Remocon Remocon thông gió hồi nhiệt

Model: FY-EB90S1

(Applicable for series DZ1/DZ1L and series ZDY8)
(Áp dụng cho dòng sản phẩm DZ1/DZ1L và ZDY8)



Contents: Nội dung

Operation Instruction Hướng dẫn sử dụng	
SAFETY PRECATION.....	4~7
BIỆN PHÁP AN TOÀN	
KEY AND DISPLAY DESCRIPTION.....	8~9
MÔ TẢ PHÍM NHẤN VÀ HIỂN THỊ	
OPERATION.....	10~15
VẬN HÀNH	
MAINTENANCE	16
BẢO DƯỠNG	
SPECIFICATION.....	17
THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
Installation Instruction Hướng dẫn lắp đặt	
SAFETY PRECATION	18~20
BIỆN PHÁP AN TOÀN	
ACCESSORIES.....	21
CÁC PHỤ KIỆN	
INSTALLATION POSITION.....	22~23
VỊ TRÍ LẮP ĐẶT	
INSTALLATION STEPS.....	24~27
CÁC BƯỚC LẮP ĐẶT	
WIRING CONFIGURATION	28
CẤU HÌNH DÂY ĐIỆN	
FAULT HANDLING.....	29
XỬ LÝ LỖI	
WIRING DIAGRAM.....	30~31
SƠ ĐỒ HỆ THỐNG DÂY ĐIỆN	

- Thank you for purchasing the Panasonic product.
Cảm ơn Quý khách hàng đã mua sản phẩm của Panasonic.

- Please read the safety precaution carefully (page 4~7 and page 18~20) before installing and using the remote.
Vui lòng đọc kỹ các lưu ý về an toàn (trang 4~7 và trang 18~20) trước khi lắp đặt và sử dụng điều khiển từ xa.

- Please read the instruction carefully to understand how to use safely. After you've read it, keep it well.




Vui lòng đọc kỹ hướng dẫn để biết cách sử dụng an toàn.
Sau khi đã đọc xong, hãy cất giữ cẩn thận.




In order to prevent the damage to using personnel and other personnel and avoid the loss of property, please be sure to comply with the following cautions.

Để tránh gây tổn thương cho người sử dụng và những người khác, cũng như để tránh thiệt hại tài sản, vui lòng đảm bảo tuân thủ các lưu ý sau.

■ The following marks represent the content expected to be complied with (The following mark is an example of mark indication).

Các ký hiệu sau là thông tin cần tuân thủ (ký hiệu sau là ví dụ về ý nghĩa của ký hiệu).

	<p>The marks represent the content (prohibition). Các ký hiệu này là thông tin (cấm).</p>
	<p>The marks represent the mandatory content (must be complied). Các ký hiệu này là thông tin bắt buộc (phải tuân thủ).</p>
<p> WARNING CẢNH BÁO</p> <p>This mark means the content “consider the situation may cause the death or serious injury”. Ký hiệu này nghĩa là “tình huống này có thể gây tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng”.</p>	

	<p>Entrust the agency or professional staff where you purchased to install it. If you install it by yourself, it may cause the electric shock or fire.</p> <p>Hãy để cho đại lý hoặc chuyên gia tại nơi bạn mua lắp đặt chúng. Khi tự lắp đặt, có thể gây giật điện hoặc hỏa hoạn.</p>
	<p>Please stop it immediately if abnormal operation occurs (burnt smell). You must get the contact with agency or professional staff where you purchased. In case the appliance is used in abnormal operation, it may cause the electric shock or fire.</p> <p>Hãy tắt máy ngay lập tức nếu có biểu hiện bất thường (mùi khét).Bạn phải liên hệ với đại lý hoặc chuyên gia nơi bạn đã mua. Trong trường hợp thiết bị vận hành không bình thường, có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.</p>
	<p>Re-install the remote control after moving, improper installation may cause the electric shock or fire. Entrust the agency or professional staff where you purchased to install it.</p> <p>Cài đặt lại bộ điều khiển từ xa sau khi di chuyển, lắp đặt không đúng cách có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn. Hãy để cho đại lý hoặc chuyên gia tại nơi bạn mua lắp đặt chúng.</p>



It's prohibited to conduct self-transformation or repair, improper repair may cause the electric shock or fire. Please get the contact with the agency or professional staff where you purchased.

Không được tự biến đổi hoặc sửa chữa, việc sửa chữa không đúng cách có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn. Vui lòng liên hệ với đại lý hoặc chuyên gia nơi bạn mua máy.



CAUTION CHÚ Ý

This mark means the content “consider the situation may cause the injury or the loss of property”

Ký hiệu này nghĩa là “tình huống này có thể gây tổn thương hoặc thiệt hại tài sản”



Don't expose the remote control directly to combustible spray.

Otherwise, it may cause the fire.

Không để điều khiển từ xa tiếp xúc trực tiếp với chất phun dễ cháy.



Nếu không, có thể gây ra hỏa hoạn.

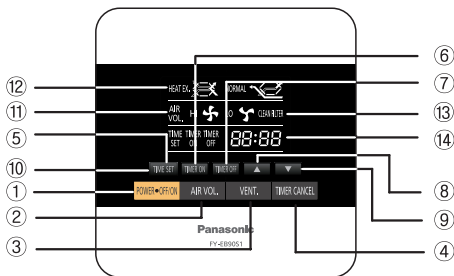


Don't operate by wet hands or wash by water. It's prohibited to use in high humidity location such as bathroom.

Không vận hành khi tay đang ướt nước Không được sử dụng ở nơi có độ ẩm cao như phòng tắm.

SAFETY PRECATION BIỆN PHÁP AN TOÀN

	<p>Don't press the remote control. It may cause the fault, electric shock and screen breakage.</p> <p>Không nhấn điều khiển từ xa. Điều này có thể gây ra lỗi, điện giật và vỡ màn hình.</p>
	<p>In winter, when room is heated, don't operate the mode [normal ventilation]. Otherwise, condensation water may drop and dirty the ceiling.</p> <p>Vào mùa đông, khi phòng được sưởi ấm, không sử dụng chế độ [thông gió thông thường]. Nếu không, nước ngưng tụ có thể rơi xuống và làm bẩn trần nhà.</p>



KEY AND DISPLAY DESCRIPTION MÔ TẢ PHÍM NHẤN VÀ HIỂN THỊ

KEY DESCRIPTION		MÔ TẢ NÚT NHẤN
①	POWER OFF/ON	Stop / start the unit. Dừng / khởi động
②	AIR VOL.	Shift air volume between high notch and low notch. Điều chỉnh lưu lượng không khí từ cao và thấp.
③	VENT.	Switch between heat exchange and normal ventilation. Chuyển đổi giữa chế độ trao đổi nhiệt và thông gió thông thường.
④	TIMER CANCEL	Quit the mode of timer on and timer off, and cancel the set. Thoát chế độ hẹn giờ mở và tắt cũng như hủy cài đặt.
⑤	TIME SET	Set the hour and minute. Cài đặt giờ và phút.
⑥	TIMER ON	Set the hour and minute of timer on. Cài đặt giờ và phút cho hẹn giờ mở.
⑦	TIMER OFF	Set the hour and minute of timer off. Đặt giờ và phút cho hẹn giờ tắt.
⑧	▲	Increase the hour/ minute in mode of time set, timer on/ off. Tăng giờ/ phút ở chế độ cài đặt thời gian, hẹn giờ bật/ tắt.
⑨	▼	Decline the hour/ minute in mode of time set, timer on / off. Giảm giờ/ phút ở chế độ cài đặt thời gian, hẹn giờ bật/ tắt.

KEY AND DISPLAY DESCRIPTION MÔ TẢ PHÍM NHẤN VÀ HIỂN THỊ

⑩	operate/stand-by display hiển thị hoạt động/chờ	Unit operates, stops or in standby mode. Chế độ hoạt động, dừng hoặc chế độ chờ.
⑪	Air volume display Hiển thị lưu lượng không khí	Unit operates in the high / low air volume. Máy vận hành với lưu lượng không khí cao / thấp.
⑫	Ventilation display Hiển thị	Unit operates in the heat exchange mode or normal ventilation mode. Thiết bị vận hành ở chế độ trao đổi nhiệt hoặc thông gió thông thường.
⑬	Clean filter display Hiển thị làm sạch bộ lọc	It shows filter is required to clean. After cleaning, simultaneously press the “▲” and “▼” for 3 seconds, the signal light for “clean filter” is dark. Hiển thị bộ lọc cần được làm sạch. Sau khi vệ sinh, đồng thời nhấn “▲” và “▼” trong 3 giây, đèn báo hiệu cho “làm sạch bộ lọc” sẽ tắt.
⑭	Display of Time set, timer and Filter usage Hiển thị cài đặt Thời gian, hẹn giờ và sử dụng Bộ lọc	It displays the current time, operation mode of non-timer or timer on/ off and accumulated time of filter usage. Hiển thị thời gian hiện tại, chế độ hoạt động không hẹn giờ hoặc hẹn giờ bật/ tắt và tổng thời gian sử dụng bộ lọc.

1. POWER OFF/ON TẮT/BẬT nguồn

Press the “Power OFF/ON”, the unit starts/stops.
 Nhấn “Power OFF/ON”, thiết bị sẽ khởi động/dừng.

POWER OFF/ON



- Signal Light is red in the start mode.
Đèn tín hiệu có màu đỏ ở chế độ khởi động.
- Signal Light is green in the stand-by mode.
Đèn tín hiệu có màu xanh lá cây ở chế độ chờ.
- No display of signal light when stopping the unit.
Đèn tín hiệu không sáng khi thiết bị dừng hoạt
- The unit operates in the last mode before stopping.
Thiết bị hoạt động ở chế độ cuối cùng trước khi dừng.

2. Shift air volume Thay đổi lưu lượng không khí

Press the “AIR VOL.” to shift air volume between high notch and low notch.

AIR VOL.



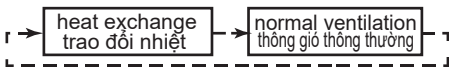
Nhấn “AIR VOL.” Để thay đổi lưu lượng không khí từ cao đến thấp.



3. Switch ventilation Chuyển chế độ thông gió

Press the “VENT.” to switch between heat exchange and normal ventilation.

Nhấn “VENT” để chuyển đổi giữa chế độ trao đổi nhiệt và thông gió thông thường.



VENT.



4. Time set Cài đặt thời gian

- The initial value is 00:00, “:” doesn’t spark.
Giá trị ban đầu là 00:00, “:” không nhấp nháy.
- Press the “TIME SET” for over 3 seconds to enter into time set mode.
Nhấn “TIME SET” trong hơn 3 giây để bắt đầu chế độ cài đặt thời gian.
- When clock (hour) sparks, press the “▲” and “▼” to adjust the current time, then press “TIME SET” to confirm the hour.
Khi đồng hồ (giờ) nhấp nháy, nhấn “▲” và “▼” để điều chỉnh thời gian hiện tại, sau đó nhấn “TIME SET” để xác nhận giờ.
- When clock (minute) sparks, press key “▲” and “▼” to adjust the current time, then press “TIME SET” to confirm the minute. When pressing “TIME SET” again, it starts the time and “:” sparks.
Khi đồng hồ (phút) nhấp nháy, nhấn phím “▲” và “▼” để điều chỉnh thời gian hiện tại, sau đó nhấn “TIME SET” để xác nhận phút. Khi nhấn “TIME SET” một lần nữa, thời gian bắt đầu chạy và “:” nhấp nháy.

Note : the key “▲” or “▼” is to adjust the number increasing or declining by 1, Press the key “▲” or “▼” for 3 seconds to quickly increase or decline.

Lưu ý: phím “▲” hoặc “▼” dùng để điều chỉnh tăng hoặc giảm bước số bằng 1, Bấm phím “▲” hoặc “▼” trong 3 giây để tăng hoặc giảm nhanh.

5. Timer on/Timer off Hẹn giờ bật/tắt

● The “TIMER ON” and “TIMER OFF” is invalid before time set.

“TIMER ON” và “TIMER OFF” không thể sử dụng trước khi cài đặt thời gian.

● When pressing the “TIMER ON” and “TIMER OFF”, it displays the last time set. Initial value is 00:00.

Khi nhấn “TIMER ON” và “TIMER OFF”, nó sẽ hiển thị lần cài đặt cuối cùng. Giá trị ban đầu là 00:00.

● Press “TIMER ON” and “TIMER OFF” for 3 seconds, entering into the set mode of timer on and timer off.

Nhấn “TIMER ON” và “TIMER OFF” trong 3 giây, nhập vào chế độ hẹn giờ bật và tắt hẹn giờ.

● Clock (hour) sparks, press “▲” and “▼” to adjust the current time, then press the “TIMER ON” or “TIMER OFF” to confirm the hour.

Đồng hồ (giờ) nhấp nháy, nhấn “▲” và “▼” để điều chỉnh thời gian hiện tại, sau đó nhấn “TIMER ON” hoặc “TIMER OFF” để xác nhận giờ.

● Clock (minute) sparks, press “▲” and “▼” to adjust the current time, then press the “TIMER ON” or “TIMER OFF” to confirm the minute. When pressing the “TIMER ON” or “TIMER OFF” again, it starts the timer mode and the signal light is bright continually.

Finishing the timer set, clock displays the current time.

Note: the key “▲” and “▼” is to adjust the number increasing or declining by 1,

Press the key “▲” or “▼” for 3 seconds to quickly increase or decline.

• Đồng hồ (phút) nhấp nháy, nhấn “▲” và “▼” để điều chỉnh thời gian hiện tại, sau đó nhấn “TIMER ON” hoặc “TIMER OFF” để xác nhận phút. Khi nhấn “TIMER ON” hoặc “TIMER OFF” lần nữa, thiết bị sẽ khởi động chế độ hẹn giờ và đèn tín hiệu sẽ sáng liên tục. Sau khi hoàn thành cài đặt hẹn giờ, đồng hồ hiển thị thời gian hiện tại.

Lưu ý: phím “▲” và “▼” dùng để điều chỉnh tăng hoặc giảm với bước số bằng 1, Nhấn phím “▲” hoặc “▼” trong 3 giây để tăng hoặc giảm nhanh hơn.

6. Timer check Kiểm tra hẹn giờ

Press the “TIMER ON” and “TIMER OFF” to check.
Nhấn “TIMER ON” và “TIMER OFF” để kiểm tra.

7. Timer cancel Hủy hẹn giờ


Press the “TIMER CANCEL” to cancel both of timer on /off.
Nhấn “TIMER CANCEL” để hủy hẹn giờ bật /tắt.

8. Clean reminder and reset Xóa nhắc nhở và đặt lại

When the filter is required to clean, the signal lights for clean filter and clock will has the following displays, meaning is as below.

Khi bộ lọc cần được làm sạch, đèn tín hiệu làm sạch bộ lọc và đồng hồ sẽ có các hiển thị với ý nghĩa như sau.

OPERATION VẬN HÀNH

Signal light for "clean filter" Đèn tín hiệu "làm sạch bộ lọc"	Display of filter usage condition Hiển thị tình trạng sử dụng bộ lọc	Meaning Ý nghĩa	Signal light for "clean filter" Đèn tín hiệu "làm sạch bộ lọc" CLEAN FILTER
sparkling nhấp nháy	F-1	Filter is used for 1 month. Bộ lọc đã được sử dụng trong 1 tháng.	circle ⑬ of Display Description vòng tròn ⑬ của Mô Tả Hiển Thị
sparkling nhấp nháy	F-2	Filter is used for 2 months. Bộ lọc đã được sử dụng trong 2 tháng.	signal light for "filter usage condition" đèn tín hiệu "điều kiện sử dụng bộ lọc"
sparkling nhấp nháy	F-3	Filter is used for 3 months. Bộ lọc đã được sử dụng trong 3 tháng.	 circle ⑭ of Display Description vòng tròn ⑭ của Mô Tả Hiển Thị
bright Sáng	dark tối	Filter is used for 4 months. Bộ lọc đã được sử dụng trong 4 tháng.	

Refer to this instruction for Energy Recovery Ventilator to clean or replace the filter according to the meaning written in the above sheet. After cleaning or replacing, simultaneously press the “▲” and “▼” for over 3 seconds, signal Lights for “clean filter” and “filter usage condition” are dark. If not resetting, signal lights for “clean filter” and “filter usage condition” are bright.

Tham khảo hướng dẫn này để điều khiển Hệ thống thông gió hồi nhiệt làm sạch hoặc thay thế bộ lọc theo ý nghĩa được ghi trong bảng trên. Sau khi vệ sinh hoặc thay thế, đồng thời nhấn “▲” và “▼” trong hơn 3 giây, đèn tín hiệu “làm sạch bộ lọc” và “điều kiện sử dụng bộ lọc” sẽ tắt. Nếu không đặt lại, đèn tín hiệu “làm sạch bộ lọc” và “điều kiện sử dụng bộ lọc” sẽ sáng.

9. Clear the filter using time to “0”(only for replacing the filter).
Xóa thời gian sử dụng bộ lọc về “0” (chỉ khi thay thế bộ lọc).

Signal light for “clean filter” doesn’t spark ,simultaneously press the “▲” and “▼” for over 3 second, clear the using time to “0” for new filter. It’s suggested to clear “0”only for replacing the new filter. Don’t conduct it in normal usage.

Đèn tín hiệu “làm sạch bộ lọc” không nhấp nháy, đồng thời nhấn “▲” và “▼” trong hơn 3 giây, xóa thời gian sử dụng về “0” cho bộ lọc mới. Bạn chỉ nên xóa về “0” khi thay thế bộ lọc mới. Không thực hiện tương tự khi đang sử dụng bình thường.

Routine maintenance Bảo dưỡng định kỳ

- Cut off the breaker if abnormal operation occurs.
Cắt cầu dao nếu có biểu hiện bất thường.
- Mop the dirt in the out appearance by a cloth with a little dilute neutral detergent and then mop it by a dry and soft cloth.
Lau bụi bẩn bằng miếng vải có một ít chất tẩy rửa trung tính loãng và sau đó lau bằng vải khô mềm.
- Never mop it by gasoline, benzene, dilute, alcohol, abrasive powder, chemical mop, spray insect killer and etc. Otherwise, it may cause the scratch or distortion.
Không bao giờ lau bằng xăng, benzen, chất pha loãng, cồn, bột ăn mòn, hóa chất lau chùi, phun thuốc diệt côn trùng. Nếu không, có thể gây ra trầy xước hoặc biến dạng.

SPECIFICATION THÔNG SỐ KỸ THUẬT

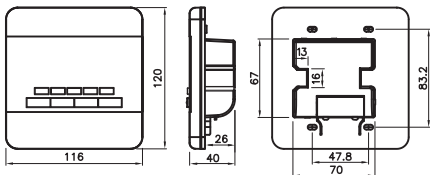
Specification: Thông số kỹ thuật

Model	FY-EB90S1
Power Năng lượng	220V~ 50Hz
Rate voltage Mức điện áp	3.4W
Out appearance size Kích thước hình dạng bên ngoài	116*120*40 (length*width*height)mm (chiều dài*chiều rộng*chiều cao)
Weight Trọng lượng	0.3kg
Use condition Tình trạng sử dụng	-10°C~40°C

Operation Instruction

appearance figure
thông số ngoại quan

Unit: mm
Đơn vị: mm



Installation caution Lưu ý lắp đặt

- Please read the “safety caution” carefully before installation.

Vui lòng đọc kỹ “lưu ý an toàn” trước khi lắp đặt.

- After installation, please conduct the trial operation to confirm no abnormal operation occurrence, and introduce the using and maintenance methods to customers according to instruction.



Sau khi lắp đặt, hãy vận hành thử nghiệm để xác nhận không xảy ra biểu hiện bất thường, sau đó hướng dẫn các phương pháp sử dụng cũng như bảo trì cho khách hàng theo hướng dẫn.

In order to prevent the damage to using personnel and other personnel and avoid the loss of property, please be sure to comply with the following cautions.

Để tránh gây tổn thương cho người sử dụng và những người khác, cũng như để tránh thiệt hại tài sản, vui lòng đảm bảo tuân thủ các lưu ý sau.

- The following marks represent the content expected to be complied with (The following mark is an example of mark indication).

Các ký hiệu sau là thông tin cần tuân thủ (ký hiệu sau là ví dụ về ý nghĩa của ký hiệu).

	<p>The marks represent the content (prohibition). Các ký hiệu này là thông tin (cấm).</p>
	<p>The marks represent the mandatory content (must be complied). Các ký hiệu này là thông tin bắt buộc (phải tuân thủ).</p>



WARNING CẢNH BÁO

This mark means the content “consider the situation may cause the death or serious injury”.

Ký hiệu này nghĩa là “tình huống này có thể gây tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng”.



Cut off the breaker before touching the terminal. Otherwise, it may cause the electrical shock.

Cắt cầu dao trước khi chạm vào đầu cuối. Nếu không, có thể gây ra điện giật.



CAUTION CHÚ Ý

This mark means the content “consider the situation may cause the injury or the loss of property”

Ký hiệu này nghĩa là “tình huống này có thể gây tổn thương hoặc thiệt hại tài sản”



Don't install it in location where combustible gas may leak. Otherwise, it may cause the fire if fuel gas leaks.





Không lắp đặt ở vị trí gần nơi khí dễ cháy có thể bị rò rỉ. Nếu không, có thể gây ra hỏa hoạn nếu rò rỉ khí đốt.






Don't install it in location with high humidity. Otherwise, it may cause the fire.

Không lắp đặt ở vị trí có độ ẩm cao. Nếu không, có thể gây ra hỏa hoạn.

SAFETY PRECATION BIỆN PHÁP AN TOÀN

	<p>Fix the cable by dedicated parts. Otherwise, it may cause cable breakage, heat or fire. Cố định cáp bằng các bộ phận chuyên dụng. Nếu không, có thể gây đứt, nóng hoặc cháy cáp.</p>
	<p>Wear the protective tools on construction such as gloves. Otherwise, it may cause the cuts or electric shock. Mang dụng cụ bảo hộ khi thi công như găng tay. Nếu không, có thể bị đứt tay hoặc điện giật.</p>
	<p>Conduct the wiring connection according to correct current capacity. Otherwise, it may cause the electric leakage, heat or fire. Kết nối dây điện theo đúng công suất hiện tại. Nếu không, có thể gây ra rò rỉ điện, nhiệt hoặc cháy.</p>
	<p>The appliance is not intended for use by persons (including children) with reduced physical, sensory or mental capabilities, or lack of experience and knowledge, unless they have been given supervision or instruction concerning use of the appliance by a person who is responsible for their safety. Children should be supervised to ensure that they do not play with the appliance. It may cause the electric shock or injury. Thiết bị không chỉ định sử dụng bởi người khuyết tật hoặc thiếu năng, hoặc kém hiểu biết và thiếu kinh nghiệm (kể cả trẻ em), trừ khi được người có trách nhiệm giám sát hoặc hướng dẫn cẩn thận về cách sử dụng an toàn. Trẻ em nên được giám sát để đảm bảo không chơi đùa với thiết bị này. Điều này có thể gây ra điện giật hoặc chấn thương.</p>

Accessories contained in the packing case
 Các phụ kiện kèm theo

Name Tên	Figure Thông	Specifi- cation Đặc điểm kỹ thuật	Quantity Số lượng	Usage Sử dụng
Remote control Điều khiển từ xa		—	1	Control the unit Điều khiển thiết
Screws Vít		M4	2	Fix the remote control to the junction box Cố định điều khiển từ xa vào hộp nối
Operation Instruction Hướng dẫn sử dụng		—	1	Instruction for installation and usage Hướng dẫn lắp đặt và sử dụng

- Junction box must be 100 *100 mm, which requires customer to buy separately. Refer to the out appearance specification of remote control below the P18 so that remote control is suitable to junction box.

Hộp nối phải có kích thước 100*100 mm và khách hàng phải tự mua. Tham khảo thông số kỹ thuật hình dạng của điều khiển từ xa ở cuối trang 18 để chuẩn bị hộp nối phù

Remote control Installation Lắp đặt điều khiển từ xa

Caution items for remote control installation location

Các mục cảnh báo đối với vị trí lắp đặt điều khiển từ xa

- Select the location where is easily installed. (With the customer permission).

Chọn vị trí có thể dễ dàng lắp đặt. (Theo yêu cầu của khách hàng).

- Select the location where is dry and not directly exposed to shine.

Chọn vị trí khô ráo và không tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng.

- Select the location where is flat to prevent from distortion. (Otherwise, It may damage the remote control or cause the fault if the wall is not flat.)

Chọn vị trí bằng phẳng để tránh làm biến dạng. (Nếu không, có thể làm hỏng bộ điều khiển từ xa hoặc gây ra lỗi nếu tường không phẳng.)

- If installation position is excessive high or low, it may hardly see the display screen, it's important to select the position where easily see it. (Standard height is about 1.5m from the ground)

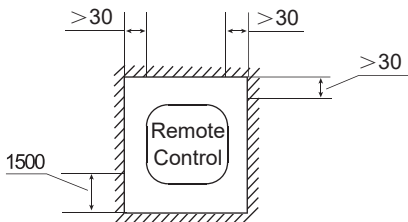
Nếu vị trí lắp đặt quá cao hoặc thấp, sẽ gây khó khăn cho việc quan sát màn hình hiển thị, cho nên điều quan trọng là phải chọn vị trí để quan sát. (Chiều cao tiêu chuẩn cách mặt đất khoảng 1.5m)

Caution items for remote control installation location

Các mục cảnh báo đối với vị trí lắp đặt điều khiển từ xa

- As shown in the following figure, please leave the enough space around the installation position. Fix the base of remote control to the standard junction box pre-reserved in the wall.

Như minh họa trong hình dưới đây, vui lòng chừa khoảng trống xung quanh vị trí lắp đặt. Cố định đế điều khiển từ xa vào hộp nối tiêu chuẩn được đặt sẵn trên tường.



Unit: mm
Đơn vị: mm

1. Wiring connection Nối dây điện

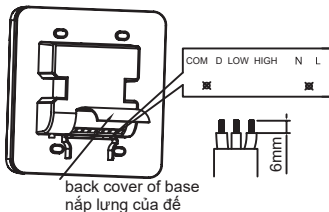
Remove the cable from injunction box and open the base cover. Connect the cable to specified position as indicated in the figure. Refer to the attached wiring diagram.

Tháo cáp ra khỏi hộp nối và mở nắp đế. Kết nối cáp với vị trí được chỉ định như trong hình. Tham khảo sơ đồ nối dây đi kèm.



NOTE: before inserting or connecting the controller, please be sure to cut off the breaker. When connecting the cable, peel off the skin of the cable by 6mm and insert into the terminal and fix it. Please ensure the skin of cable is not involved. Otherwise, it may occur the fire caused by short-circuit among the cables.

GHI CHÚ: trước khi lắp hoặc kết nối bộ điều khiển, hãy đảm bảo đã cắt cầu dao. Khi kết nối cáp, bóc vỏ cáp khoảng 6mm và lắp vào đầu cuối sau đó cố định nó. Hãy đảm bảo vỏ cáp không được dính vào. Nếu không, có thể xảy ra hỏa hoạn do ngắn mạch giữa các dây cáp.

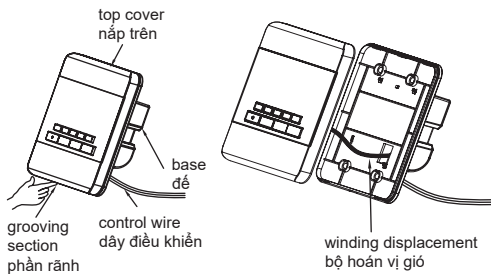


2. Disassemble the top cover

Tháo nắp trên

Open the grooving section by your fingernail as shown in the figure, please be careful to hurt your fingernail. Slightly remove the top cover, be careful to the connection between top cover and base, and don't break the winding displacement.

Mở phần rãnh bằng móng tay như trong hình, hãy cẩn thận để tránh làm tổn thương móng tay. Nhẹ nhàng tháo nắp trên, cẩn thận với mối nối giữa nắp trên và đế tránh không làm vỡ bộ hoán vị gió.

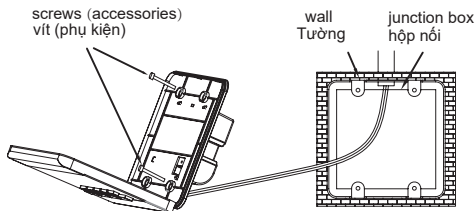


3. Fix the base into the junction box

Cố định đế vào hộp nối

Put the base into junction box and note the direction of base during installation (as shown in the figure). Fix the base into the junction box with the two attached screws by appropriate strength. Otherwise, it may damage the resin cover or cause distortion. Loosen the screws appropriately if found the cover distortion.

Đặt đế vào hộp nối và lưu ý hướng của đế khi lắp đặt (như trong hình). Cố định đế vào hộp nối với hai vít kèm theo, dùng lực vừa phải. Nếu không, có thể làm hỏng vỏ nhựa hoặc gây biến dạng. Nới lỏng các ốc vít một cách thích hợp nếu thấy nắp biến dạng.



4. Fix the top cover Cố định nắp trên

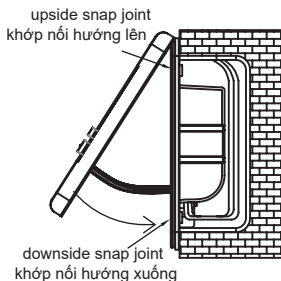
Fix the top cover to base, close the upside snap joint to the downside in order, indicated as right figure:

Cố định nắp trên vào đế, đóng khớp nối cho phù hợp như hình bên phải:

! NOTE: make sure internal cables are not caught by circuit-board or resin clip. Otherwise, it may cause electrical leakage.

LƯU Ý: đảm bảo rằng các dây cáp bên trong không bị kẹt bởi bảng mạch hoặc kẹp nhựa. Nếu không, có thể gây rò rỉ điện.

! Don't press the screen. Otherwise it may break. Không nhấn vào màn hình. Nếu không, có thể bị hỏng.

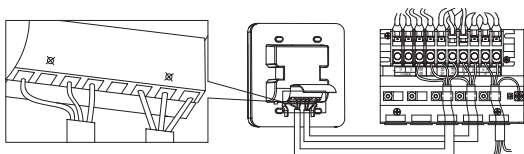


Connection with remote control

Kết nối với điều khiển từ xa

- Cut off the breaker before installing or connecting the remote control.

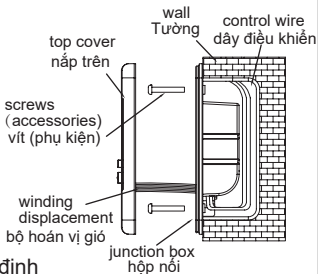
Ngắt cầu dao trước khi lắp hoặc kết nối điều khiển từ xa.



Wiring configuration Cấu hình dây điện

- Connect the cables according to the wiring diagram, then fix the base into the junction box by the two attached screws, keep the base parallel with wall and straight and no bending.

Kết nối cáp theo sơ đồ dây điện, sau đó cố định đế vào hộp nối bằng hai vít kèm theo, giữ đế song song với tường, thẳng và không bị uốn cong.



Handling on common fault Xử lý lỗi thường gặp	
Condition Điều kiện	Solutions Phương án
It doesn't work with power on. Không hoạt động khi mở nguồn.	Is the power connected? Is the power failure? Nguồn điện có được kết nối không? Có mất điện không?
After pressing the key, the unit doesn't work. Sau khi nhấn phím, thiết bị không hoạt động.	Is the power connection loose? Is the connection with ERV right? Is the wire connected with ERV loose? Kết nối nguồn điện có bị lỏng không? Kết nối với ERV có đúng không? Dây kết nối với ERV có lỏng không?

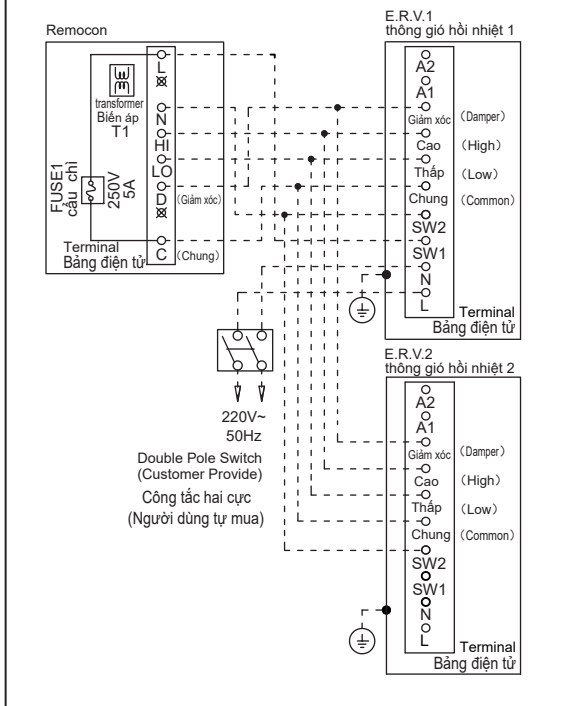
■ Wiring diagram Sơ đồ đi dây

Caution items: Các mục lưu ý:

- The dashed line as shown in the figure must be conducted on spot by construction personnel.
Đường đứt nét trong hình phải được thực hiện tại chỗ bởi nhân viên lắp đặt.
- Please cut off the breaker before connection.
Vui lòng ngắt cầu dao trước khi kết nối.
- It's recommended to use the cable for connecting power supply cord and switch, its rate voltage is 300V/500V as stipulation of 60227IEC53 (hard wire). Cross-section area for each core wire is 1.5mm².
Nên sử dụng cáp để kết nối dây và công tắc nguồn, điện áp định mức là 300V/500V theo quy định của 60227IEC53 (dây cứng). Diện tích mặt cắt cho mỗi lõi dây là 1.5mm².
- When several units operate, quantity of unit is less than two. Otherwise, it may cause the fire by excessive current.
Khi có nhiều thiết bị cùng hoạt động, số lượng thiết bị nên ít hơn hai. Nếu không, có thể gây ra hỏa hoạn do dòng điện quá mức.
- Wear the protective tools on construction such as gloves.
Mang các dụng cụ bảo hộ khi thi công như găng tay.
- After wiring connection, please be sure to completely fix the base cover.
Sau khi kết nối dây, hãy đảm bảo cố định hoàn toàn nắp đế.
- Please read the instruction carefully before wiring connection.
Vui lòng đọc kỹ hướng dẫn trước khi đấu nối dây.

WIRING DIAGRAM SƠ ĐỒ HỆ THỐNG DÂY

- EB90S1 and DZ1/DZ1L series
EB90S1 và DZ1/DZ1L hàng loạt



WIRING DIAGRAM SƠ ĐỒ HỆ THỐNG DÂY

- EB90S1 and ZDY8 series
EB90S1 và ZDY8 hàng loạt

